

BAN TỔ CHỨC CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN THUỘC QUYỀN SỞ HỮU CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ - VINACOMIN KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY, QUY CHẾ CHÀO BÁN CẠNH TRANH VÀ TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHUYỂN NHƯỢNG. VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN NÀY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHÀO BÁN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO CÔNG TY MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ CỦA CÔNG TY.

## BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN CỦA TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ - VINACOMIN

*Thực hiện theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ)*

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG  
SẢN VIỆT NAM (TKV)**

Số 3 phố Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu  
Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 024. 3518 0141

Fax: (+84) 024. 3851 0724

Website: [www.vinacomin.vn](http://www.vinacomin.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận  
Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3928 8080

Fax: (84-24) 3928 9888

Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

Hà Nội, Tháng 05 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ - VINACOMIN**

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 5700526340 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2022)

**THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG**

|                                                    |   |                                                                                                             |
|----------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên cổ phần chuyển nhượng                          | : | Cổ phần Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí – Vinacomin (UEM)                                                   |
| Mệnh giá                                           | : | 10.000 đồng/cổ phiếu                                                                                        |
| Giá khởi điểm                                      | : | 38.400 đồng/cổ phần                                                                                         |
| Tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng                | : | 862.306 cổ phần<br>(tương ứng 35,37% vốn điều lệ thực góp của Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin). |
| Tổng giá trị chào bán (dự kiến) tính theo mệnh giá | : | 8.623.060.000 đồng                                                                                          |

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ - VINACOMIN****Công ty TNHH Kiểm toán BDO**

Trụ sở chính: Tầng 20, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0)24 37833911/12/13

Fax: +84 (0)24 37833914

Email: [bdo.hn@bdo.vn](mailto:bdo.hn@bdo.vn)

Website: [www.bdovietnam.vn](http://www.bdovietnam.vn)

**TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ****Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC**

Trụ sở chính: Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 1990

Fax: (84-24) 3825 3973

Email: [aasc@aasc.com.vn](mailto:aasc@aasc.com.vn)

Website: <https://aasc.com.vn/>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN****Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)**

Trụ sở chính: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 (24) 3928 8080

Fax: +84 (24) 3928 9888

Email: [info-bvsc@baoviet.com.vn](mailto:info-bvsc@baoviet.com.vn)

Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

**MỤC LỤC**

|                                                                                                        |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ.....</b>                                                                      | <b>5</b>  |
| 1. Các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước.....              | 5         |
| 2. Các văn bản pháp luật liên quan đến việc chuyển nhượng vốn của TKV tại UEM ....                     | 6         |
| <b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>                                                                    | <b>7</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế .....                                                                             | 7         |
| 2. Rủi ro về luật pháp .....                                                                           | 10        |
| 3. Rủi ro đặc thù ngành .....                                                                          | 10        |
| 4. Rủi ro khác .....                                                                                   | 12        |
| <b>III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>           | <b>12</b> |
| 1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng .....                                                       | 12        |
| 2. Tổ chức tư vấn.....                                                                                 | 12        |
| <b>IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....</b>                                                           | <b>14</b> |
| <b>V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG</b>                                        | <b>15</b> |
| 1. Giới thiệu về Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) .....                           | 15        |
| 2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng.....                                | 17        |
| 3. Số cổ phần sở hữu hiện tại .....                                                                    | 17        |
| 4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 100%. ....                              | 17        |
| <b>VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG.....</b>  | <b>18</b> |
| 1. Thông tin chung về Công ty cổ phần Cơ điện Ung Bí - Vinacomin.....                                  | 18        |
| 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của UEM .....                                            | 18        |
| 3. Cơ cấu tổ chức UEM.....                                                                             | 20        |
| 4. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành và cơ cấu vốn cổ phần .....                                  | 23        |
| 5. Danh sách công ty con Công ty liên kết của UEM tại thời điểm 31/03/2025.....                        | 24        |
| 6. Hoạt động kinh doanh .....                                                                          | 25        |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất ..... | 29        |
| 8. Vị thế của UEM so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....                                  | 31        |
| 9. Chính sách đối với người lao động .....                                                             | 33        |



|                                                                                                                                                   |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 10. Chính sách cổ tức .....                                                                                                                       | 35        |
| 11. Tình hình tài chính .....                                                                                                                     | 35        |
| 12. Tình hình tài sản .....                                                                                                                       | 40        |
| 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025 .....                                                                                                   | 42        |
| 14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của UEM .....                                                                                 | 43        |
| 15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn.....                  | 43        |
| <b>VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN ..</b>                                                                              | <b>43</b> |
| <b>VIII.MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....</b>                                                                                                       | <b>47</b> |
| <b>IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....</b>                                                                                | <b>47</b> |
| <b>X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG .....</b> | <b>49</b> |
| <b>PHỤ LỤC .....</b>                                                                                                                              | <b>51</b> |

## I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

### 1. Các văn bản pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán, quản lý, sử dụng vốn Nhà nước

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;
- Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;
- Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;
- Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày



13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

**2. Các văn bản pháp luật liên quan đến việc chuyển nhượng vốn của TKV tại UEM**

- Nghị định số 105/2018/NĐ-CP ngày 08/08/2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin được sửa đổi, bổ sung ngày 27/04/2021;
- Quy chế Đăng ký và Quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (Ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ngày 16/11/2022 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam);
- Hợp đồng dịch vụ tư vấn thực hiện chào bán cạnh tranh chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin số 37/2025/BVSC - TKV/PTV - TVTV ký ngày 05/05/2025 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt;
- Chứng thư thẩm định giá số 014/2024/1612.002.KT7 ngày 16/12/2024 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC phát hành;
- Quyết định số 35/QĐ-TKV ngày 10/01/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn tại Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin.

## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp tại Việt Nam. Kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn) được đề cập dưới đây:

### 1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, v.v... Các yếu tố tác động này mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và UEM nói riêng.

#### 1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP)

Năm 2023, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại đã tác động lớn tới ngành sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam. GDP năm 2023 tăng 5,05% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%, theo Tổng cục thống kê.

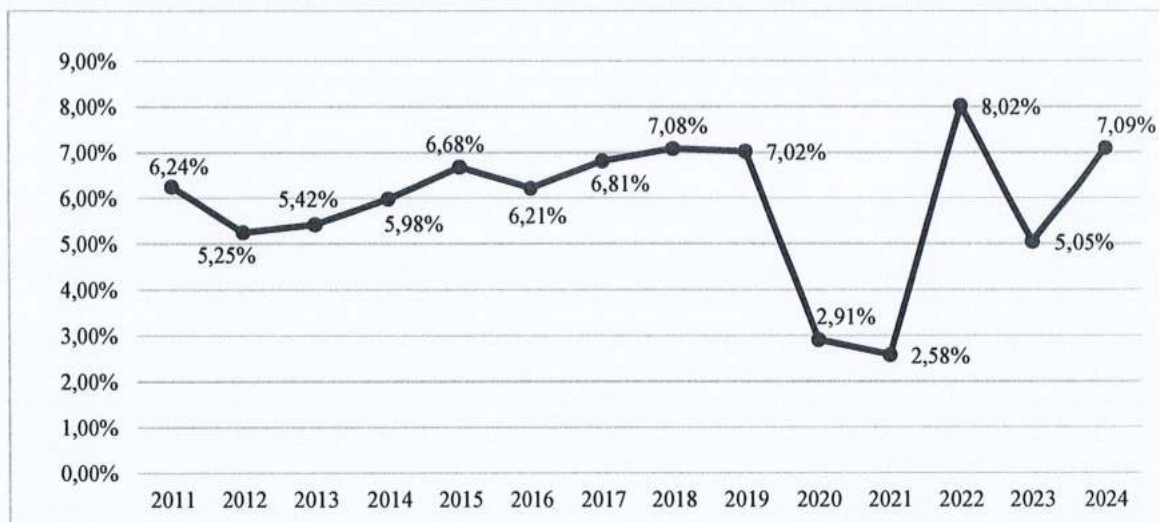
Kể từ đầu năm 2023, Chính phủ đã đẩy mạnh đầu tư công để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế khi đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài suy yếu. Trong năm 2023, vốn nhà nước thực hiện tăng 21,2% so với năm trước lên 625,3 nghìn tỷ đồng. Tình hình thực hiện vốn đầu tư công năm 2023 đạt 85,3% kế hoạch cả năm.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2025 ước tính tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, đạt mức tăng cao nhất so với quý I các năm trong giai đoạn 2020-2025. Kết quả tăng trưởng này đã vượt mục tiêu đặt ra cho quý I/2025 của kịch bản tăng trưởng cả năm 6,5-7,0% tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, nhưng chưa đạt mục tiêu phấn đấu của kịch bản tăng trưởng năm 2025 đạt 8,0% do thế giới biến động nhanh, nhiều bất ổn đã ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 6,09% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công

ng nghiệp và xây dựng tăng 7,42%, đóng góp 40,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,70% , đóng góp 53,74%. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) quý I/2025 ước tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2024 tăng 5,9%), trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5% (quý I/2024 tăng 6,0%), đóng góp 7,9 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,6%, đóng góp 0,4 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 4,7%, làm giảm 0,7 điểm phần trăm.

**Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

## 1.2 Tình hình lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế. CPI bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, dưới mức mục tiêu Quốc hội đề ra. Nguyên nhân theo phân tích của Tổng cục Thống kê, do chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,03% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,35 điểm phần trăm.

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,2% so với năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,98 điểm phần trăm, chủ yếu do chỉ số giá điện sinh hoạt tăng 7,68% do nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức bán lẻ giá điện bình quân làm CPI chung tăng 0,25 điểm phần trăm; chỉ số giá nhà ở thuê và nhà chủ sở hữu tính quy đổi tăng 4,6% do nhu cầu thuê nhà tăng, tác động làm CPI tăng 0,48 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, chỉ số giá nước sinh hoạt năm 2024 tăng 8,33% so với năm trước.

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,16%, tác động làm CPI chung tăng 0,39 điểm phần trăm; chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 5,37%; chỉ số giá nhóm giao thông tăng 0,76%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

Bên cạnh đó, yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2024 là: Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông năm 2024 giảm 1,02% so với năm 2023 do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với dòng điện thoại thông minh.

Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Giá xăng dầu, giá gạo giảm theo giá thế giới là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2025 giảm 0,03% so với tháng trước. So với tháng 12/2024, CPI tháng 3 tăng 1,3%; tăng 3,13% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2025, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,01%.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến sự gia tăng của các chi phí sản xuất, chi phí tài chính và nhu cầu thị trường, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp hành động để hạn chế sự ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

### 1.3 Rủi ro lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là chỉ số có ý nghĩa quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh suy giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô, tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2023, với mục tiêu tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát ổn định, tỷ giá USD/VND hạ nhiệt đầu năm 2023, NHNN Việt Nam đã có bốn đợt giảm lãi suất điều hành với mục đích giảm giá vốn của ngân hàng, từ đó giảm lãi suất cho vay. Điều này đã tạo ra nhiều tác động tích cực giúp

hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi và phát triển sản xuất qua đó hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới.

Năm 2024, mặt bằng lãi suất cho vay bình quân đối với những khoản mới ở mức khoảng 6,65%/năm, giảm 0,59%/năm bằng cả hệ thống, riêng 4 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước giảm khoảng 1% so với cuối năm 2023, trong khi lãi suất tiền gửi bình quân đối với những khoản mới là 4,03%/năm, tăng 0,71%/năm. Có thể nói, lãi suất tiền gửi tăng nhưng lãi suất cho vay giảm cho thấy, các tổ chức tín dụng sẵn sàng chủ động đồng hành, chia sẻ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và khách hàng vay vốn.

Theo Ngân hàng Nhà nước, đến cuối quý 1/2025, lãi suất cho vay bình quân giảm 0,4% so với cuối năm 2024, tăng trưởng tín dụng đạt 3,93%, cao gấp 2,5 lần cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá ngày càng lớn, đặc biệt sau khi Tổng thống Donald J. Trump công bố áp thuế đối ứng dựa trên thặng dư thương mại với hàng trăm quốc gia trong đó Việt Nam đã bị áp thuế đối ứng lên tới 46%. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cho biết đang theo dõi sát diễn biến thị trường để điều hành các công cụ chính sách với thời điểm và liều lượng phù hợp.

#### **1.4 Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Dựa trên BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí – Vinacomin, UEM không thực hiện giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó sẽ không chịu rủi ro khi có biến động tỷ giá.

### **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của UEM khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của UEM, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của UEM. Hiện tại, hoạt động của UEM chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường... và các văn bản liên quan khác.

Là một công ty đại chúng đã đăng ký giao dịch chứng khoán, UEM còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Vì vậy, những thay đổi của các văn bản pháp lý trong lĩnh vực này đều ảnh hưởng đến hoạt động của UEM.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, UEM liên tục cập nhật những thay đổi về các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của UEM, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để giảm thiểu các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, UEM đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ theo các quy định của pháp luật.

### **3. Rủi ro đặc thù ngành**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp, ngoài các rủi ro nêu trên, UEM có khả năng đối mặt với một số rủi ro đặc thù ngành như sau:

### 3.1 Rủi ro liên quan đến an toàn lao động

**Tai nạn lao động:** Ngành sản xuất cơ khí có nhiều mối nguy hiểm đối với người lao động, đặc biệt là khi làm việc với máy móc công nghiệp, kim loại nóng, và các công cụ cắt sắc. Các tai nạn lao động có thể dẫn đến mất mát về tài sản, chi phí bảo hiểm, bồi thường, hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của công ty.

**Vi phạm tiêu chuẩn an toàn và môi trường:** Nếu công ty không tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường, có thể đối mặt với các hình phạt từ cơ quan chức năng, gián đoạn sản xuất, và chi phí xử lý vi phạm.

**Ô nhiễm môi trường:** Quá trình sản xuất cơ khí có thể tạo ra bụi, khí thải, hoặc nước thải ô nhiễm. Nếu không kiểm soát tốt, công ty có thể bị phạt hoặc chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại môi trường.

### 3.2 Rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu

**Biến động giá nguyên vật liệu:** Ngành cơ khí phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu như thép, nhôm, đồng, và các vật liệu khác. Giá nguyên liệu có thể dao động mạnh mẽ tùy thuộc vào các yếu tố toàn cầu như chiến tranh thương mại, biến động thị trường, hay thay đổi chính sách của các nhà cung cấp nguyên liệu lớn.

**Sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng:** Các nhà cung cấp nguyên liệu có thể gặp khó khăn về sản xuất hoặc giao hàng, dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu trong quá trình sản xuất. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chi phí của công ty, đặc biệt là khi không có nguồn dự trữ hoặc hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp.

### 3.3 Rủi ro kỹ thuật và công nghệ

**Lỗi thiết kế và sản xuất:** Nếu thiết kế sản phẩm không đạt chuẩn hoặc có lỗi kỹ thuật, nó có thể dẫn đến chất lượng sản phẩm kém, gây tổn thất về chi phí bảo hành, sửa chữa, hoặc thậm chí mất khách hàng. Trong ngành cơ khí, các sản phẩm phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt và thường xuyên được kiểm tra.

**Hỏng hóc, sự cố máy móc:** Các thiết bị, máy móc trong nhà máy sản xuất cơ khí có thể gặp sự cố bất ngờ do quá trình sử dụng lâu dài hoặc thiếu bảo trì. Điều này có thể làm gián đoạn sản xuất và gia tăng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng.

**Sự cố trong quá trình gia công:** Các công đoạn như gia công kim loại, hàn cắt, lắp ráp cần chính xác cao. Những sai sót trong quá trình này có thể dẫn đến sự cố chất lượng, lãng phí nguyên liệu và làm giảm năng suất lao động...

#### 4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác là những rủi ro bất khả kháng không thể lường trước được như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại đáng kể về tài sản, con người do đó không tránh khỏi ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của UEM.

### III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### 1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

##### **TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (TKV)**

Ông: **Vũ Anh Tuấn**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

*(Theo Quyết định số 35/QĐ-TKV ngày 10/01/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của TKV tại Công ty Cổ phần Cơ điện Uông Bí – Vinacomin)*

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

#### 2. Tổ chức tư vấn

##### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**

Ông: **Nhữ Đình Hòa**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn thực hiện chào bán cạnh tranh chuyển nhượng vốn đầu tư của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin số 37/2025/BVSC - TKV/PTV - TVTV ký ngày 05/05/2025 giữa Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin (UEM) cung cấp. Bản công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin, số liệu và tài liệu do Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin (UEM) cung cấp, cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng



tin cậy và toàn bộ nội dung trong Bản công bố thông tin đã được Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) xác nhận. BVSC không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu do Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) cung cấp và BVSC thu thập được cũng như các thông tin trong Bản công bố thông tin. Các BCTC được thu nhập và sử dụng trong Bản công bố thông tin này bao gồm:

- BCTC năm 2023 của Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- BCTC năm 2024 của Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Bản công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại về số liệu tài chính tính đến ngày 31/12/2024 do Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) cung cấp, một số thông tin khác đã được cập nhật đến thời điểm công bố thông tin. Các sự kiện xảy ra sau các mốc thời gian này chưa được xem xét và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tổ chức tư vấn không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản công bố thông tin đối với các sự kiện này;

Chúng tôi giả định rằng Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh;

BVSC, nhân viên BVSC (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), chính Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM) và các khách hàng khác của BVSC, và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản công bố thông tin này.

Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp, các quy định của pháp luật hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.



## IV. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

| TỪ, NHÓM TỪ                  | DIỄN GIẢI                                                                                                                                                            |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Bản công bố thông tin</b> | : Bản công bố thông tin của UEM về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.              |
| <b>BCTC</b>                  | : Báo cáo tài chính.                                                                                                                                                 |
| <b>BKS</b>                   | : Ban Kiểm soát.                                                                                                                                                     |
| <b>Cổ đông</b>               | : Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.                                                                                                      |
| <b>Cổ phần</b>               | : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.                                                                                                                  |
| <b>Cổ phiếu</b>              | : Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một cổ phần.                                                                               |
| <b>Cổ tức</b>                | : Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của UEM sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính. |
| <b>CBCNV</b>                 | : Cán bộ công nhân viên.                                                                                                                                             |
| <b>CPI</b>                   | : Chỉ số giá tiêu dùng.                                                                                                                                              |
| <b>CTCP</b>                  | : Công ty cổ phần.                                                                                                                                                   |
| <b>DN</b>                    | : Doanh nghiệp.                                                                                                                                                      |
| <b>ĐKKD</b>                  | : Đăng ký kinh doanh.                                                                                                                                                |
| <b>HĐKD</b>                  | : Hoạt động kinh doanh.                                                                                                                                              |
| <b>HĐQT</b>                  | : Hội đồng quản trị.                                                                                                                                                 |
| <b>HNX</b>                   | : Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội.                                                                                                                         |
| <b>LNST</b>                  | : Lợi nhuận sau thuế.                                                                                                                                                |
| <b>Tổ chức tư vấn/BVSC</b>   | : Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.                                                                                                                              |
| <b>Công ty/UEM</b>           | : Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí – Vinacomin.                                                                                                                       |
| <b>UBCKNN</b>                | : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.                                                                                                                                       |
| <b>TKV</b>                   | : Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.                                                                                                                   |
| <b>Vốn điều lệ</b>           | : Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của UEM.                                                                                                 |

**V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG****1. Giới thiệu về Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)****1.1 Thông tin cơ bản**

|                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên giao dịch trong nước    | <b>TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Tên giao dịch quốc tế       | VIETNAM NATIONAL COAL AND MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Tên viết tắt                | TKV                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Vốn điều lệ                 | 35.000 tỷ đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Trụ sở chính                | Số 3 phố Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Điện thoại                  | (+84) 024. 3518 0141                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Fax                         | (+84) 024. 3851 0724                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Website                     | www.vinacomin.vn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Email                       | vp.tkv@vinacomin.vn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Giấy chứng nhận ĐKDN số     | 5700100256 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/07/2010, đăng ký thay đổi lần lần thứ 5 ngày 01/11/2024                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Ngành nghề kinh doanh chính | <ul style="list-style-type: none"><li>- Công nghiệp than: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm than, khí mỏ, nước ngầm ở mỏ và các khoáng sản khác đi cùng với than.</li><li>- Công nghiệp khoáng sản - luyện kim: Khảo sát, thăm dò, đầu tư, xây dựng, khai thác, vận tải, sàng tuyển, làm giàu quặng, luyện kim, gia công, chế tác, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm khoáng sản.</li><li>- Công nghiệp điện: Đầu tư, xây dựng, sản xuất điện; mua, bán điện.</li></ul> |

- Vật liệu nổ công nghiệp: Sản xuất, mua, bán, dự trữ, sử dụng, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp và nitrat amôn.

Logo TKV



## 1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

| Thời gian  | Quá trình hình thành và phát triển                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10/1994    | Tổng Công ty Than Việt Nam (TVN) được thành lập theo Quyết định số 563/TTg ngày 10/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ năm 1995 theo Điều lệ tổ chức và hoạt động ban hành tại Nghị định số 13/CP ngày 27/1/1995 của Chính phủ.                |
| 12/1997    | Than Việt Nam đạt 10,7 triệu tấn than thương phẩm, hoàn thành vượt mức sản lượng của năm 2000 do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII giao cho Ngành Than (10 triệu tấn).                                                                                                     |
| 05/2001    | Tiếp nhận Tổng công ty cơ khí năng lượng và mô sáp nhập vào Tổng Công ty Than Việt Nam.                                                                                                                                                                                      |
| 04/2002    | Khởi công xây dựng nhà máy điện Na Dương - nhà máy nhiệt điện đầu tiên của Tập đoàn.                                                                                                                                                                                         |
| Năm 2003   | Đạt 18,8 triệu tấn than thương phẩm, vượt chỉ tiêu sản lượng của năm 2005 do Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra cho ngành Than (15 triệu tấn).                                                                                                                                    |
| 12/2004    | Đạt 24,7 triệu tấn than thương phẩm (trong đó xuất khẩu 10,5 triệu tấn), đạt mục tiêu quy hoạch của năm 2010 (23-24 triệu tấn).                                                                                                                                              |
| 26/12/2005 | Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 345/2005/QĐ-TTg thành lập Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam trên cơ sở Tập đoàn Than Việt Nam và Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam bắt đầu hoạt động từ 01/01/2006. |

| Thời gian | Quá trình hình thành và phát triển                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 2013  | <p>Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 314/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) giai đoạn 2012 - 2015.</p> <p>Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 212/2013/NĐ-CP phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV).</p> |
| Năm 2018  | <p>Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 105/2018/NĐ-CP phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), thay thế Nghị định số 212/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.</p>                           |
| Năm 2023  | <p>Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.</p> <p>Doanh thu tổng số toàn Tập đoàn các công ty đạt 168,1 ngàn tỷ đồng bằng 100% kế hoạch.</p>                                                                 |

## 2. Môi quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và là cổ đông lớn tại Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin.

## 3. Số cổ phần sở hữu hiện tại

TKV hiện đang sở hữu **862.306 cổ phần**, tương đương với **35,37% vốn điều lệ** của UEM, tương ứng với giá trị vốn góp **8.623.060.000 đồng** (tính theo mệnh giá).

## 4. Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 100%.

## VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG

### 1. Thông tin chung về Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin

|                                      |                                                                                                                                 |
|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên giao dịch trong nước             | <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN UÔNG BÍ - VINACOMIN</b>                                                                              |
| Tên giao dịch quốc tế                | VINACOMIN UONG BI ELECTRIC MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY                                                                       |
| Tên viết tắt                         | UEM                                                                                                                             |
| Vốn điều lệ                          | 24.381.000.000 đồng                                                                                                             |
| Trụ sở chính                         | Tổ 13, khu 8, Phường Bắc Sơn, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                                                      |
| Điện thoại                           | 033 3854392                                                                                                                     |
| Fax                                  | 033 3854358                                                                                                                     |
| Website                              | <a href="http://www.codienuongbi.vn">http://www.codienuongbi.vn</a>                                                             |
| Email                                | <a href="mailto:codienuongbi@gmail.com.vn">codienuongbi@gmail.com.vn</a>                                                        |
| Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | số 5700526340 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2022 |
| Ngành nghề kinh doanh chính          | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592)                                                                   |

Logo UEM



### 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của UEM

Công ty cổ phần cơ điện Uông Bí - Vinacomin là một doanh nghiệp được thành lập từ việc chuyển đổi cổ phần hóa Nhà máy cơ điện Uông Bí, đơn vị trực thuộc Công ty than Vàng Danh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700526340 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 31/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28/12/2022.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng cộng sản Việt Nam về việc triển khai chương trình Công nghiệp hóa Xã hội Chủ nghĩa trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Nhằm phục vụ cho việc cơ giới hóa, nâng cao sản lượng khai thác than ở vùng than Mạo Khê - Vàng Danh và phục vụ cho việc sửa chữa thiết bị nhà máy nhiệt điện Uông Bí. Sau khi được Chính phủ phê duyệt phương án và được nhà nước Liên Xô giúp đỡ viện trợ, Bộ công nghiệp nặng đã ký quyết định đầu tư xây dựng Nhà máy Cơ điện Uông Bí.

Sau khi báo cáo khả thi và thiết kế kỹ thuật của nhà máy đã hoàn thành và được Bộ Công nghiệp nặng phê duyệt. Ngày 20/7/1964, Nhà máy Cơ điện Uông Bí (nay là Công ty cổ phần Cơ điện Uông Bí) được khởi công xây dựng trước sự chứng kiến của các vị lãnh đạo Trung Ương và địa phương, bao gồm: Ủy ban kiến thiết cơ bản Nhà nước, Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại thương, Tham tán kinh tế đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam và đại diện chính quyền địa phương, ông Trần Lư - Trưởng ban kiến thiết khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh cùng bà Yluot Kina - nữ Tổng công trình sư, trưởng đoàn chuyên gia thiết kế kỹ thuật dự án và đại diện lãnh đạo Công ty xây dựng 18 đã phát lệnh khởi công nhà máy.

Qua 50 năm, nhà máy đã trực thuộc các cơ quan quản lý cấp trên sau:

- Từ năm 1964 đến năm 1965, nhà máy trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng;
- Từ năm 1965 đến năm 1970 trực thuộc Công ty than Quảng Ninh;
- Từ năm 1970 đến năm 1979 trực thuộc Bộ Điện và Than;
- Từ năm 1979 đến năm 1996 trực thuộc Công ty than Uông Bí;
- Từ năm 1996 đến ngày 23/01/2002 trực thuộc Công ty Than Việt Nam;
- Từ ngày 23/01/2002 đến tháng 12/2004 trực thuộc Công ty Than Vàng Danh;
- Từ ngày 01/01/2005 đến tháng 7/2007, Công ty trở thành Công ty cổ phần theo quyết định số 129/2004/QĐ-BCN ký ngày 12/11/2004 của Thủ trưởng Đỗ Hữu Hào về việc chuyển Nhà máy Cơ điện Uông Bí thuộc Công ty Than Vàng Danh thành Công ty Cổ phần Cơ điện Uông Bí (doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Công ty Than Việt Nam);
- Từ tháng 7/2007 đến nay, Công ty là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam.

Với hơn 50 năm xây dựng và phát triển, với bao thách thức và khó khăn, Công ty Cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin đã từng bước vượt qua, tự hoàn thiện và thích nghi với sự thay đổi liên tục của tổ chức và cơ chế. Thế hệ công nhân viên Công ty đã tôi luyện

lòng dũng cảm, ý chí, sức lực và trí tuệ thành phẩm chất riêng có của người thợ Cơ Điện Uông Bí: “Lòng dũng cảm, tinh thần đoàn kết, kỷ luật đồng tâm, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần sáng tạo, vượt khó đi lên và luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao”.

Từ khi chuyển đổi thành Công ty Cổ phần, Công ty gặp nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn. Tuy nhiên, nhờ biết chớp lấy thời cơ và phát huy triệt để tiềm năng, nội lực bên trong, từ đó tạo thành sức mạnh vượt qua những khó khăn để có những bước phát triển vượt bậc như ngày hôm nay. Đến nay, Công ty Cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin đã xây dựng được một kế hoạch đầu tư đúng đắn, nhiều sản phẩm mới với hàm lượng công nghệ cao được nghiên cứu, chế tạo thành công mang lại hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh; đồng thời năng suất lao động và chất lượng sản phẩm được nâng cao, đời sống và điều kiện làm việc của người lao động không ngừng được cải thiện.

Với bề dày lịch sử cùng với đội ngũ kế cận có trình độ, sức sáng tạo, và đặc biệt là những người chủ doanh nghiệp năng động đã và đang xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần Cơ điện Uông Bí - Vinacomin trở thành một thương hiệu mạnh và ngày càng mạnh hơn trong Tập đoàn Công nghiệp Thanh - Khoáng sản Việt Nam cũng như trong cả nước.

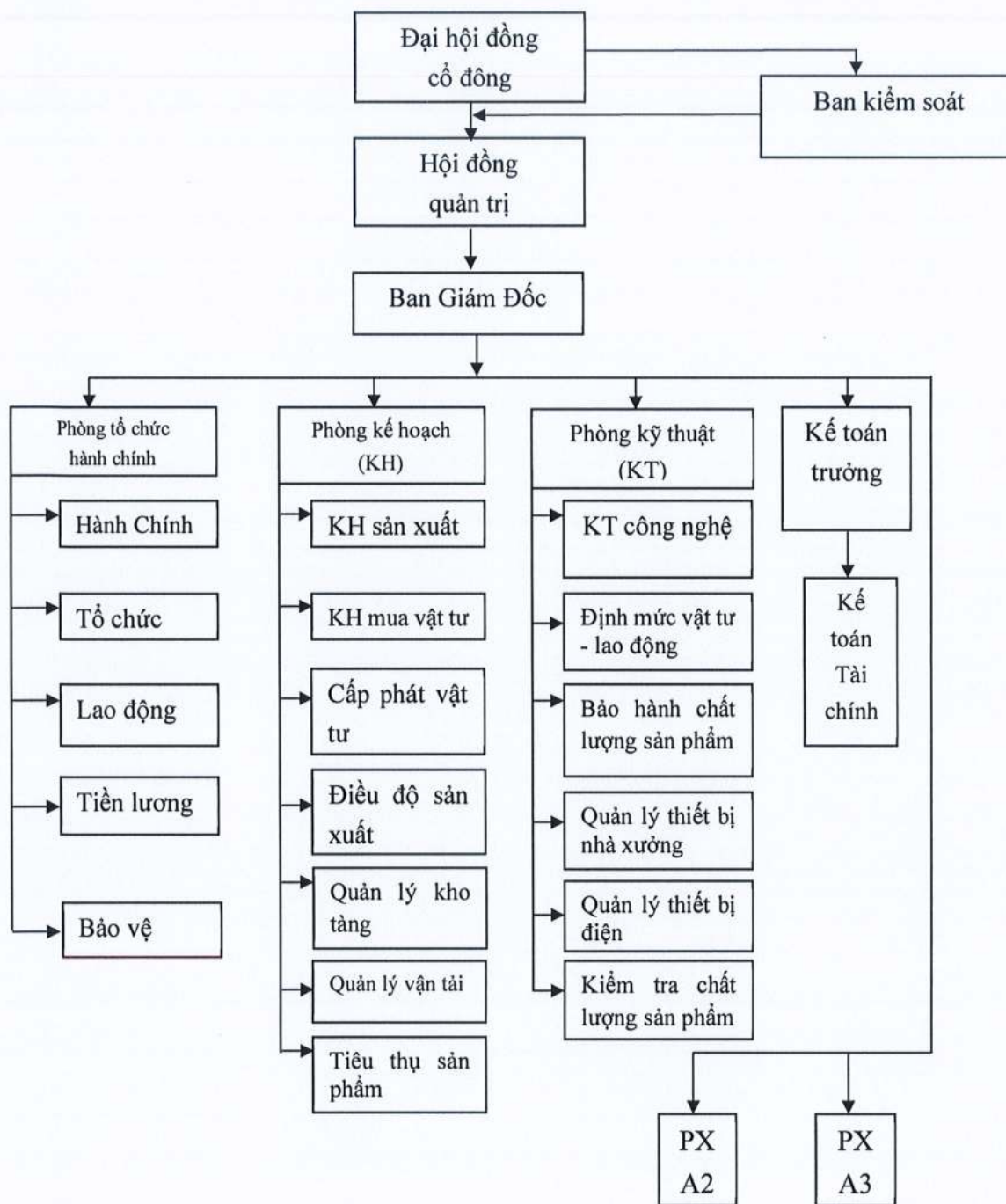
Trải qua 50 năm hình thành phát triển doanh nghiệp đã đạt được nhiều thành tích trong sản xuất kinh doanh, vinh dự nhận được nhiều bằng khen, giấy khen, huân chương cao quý của các Bộ, Ban, Ngành:

- Huân chương Lao động hạng Nhì.
- Huân chương Lao động hạng Ba.
- Huy chương Vàng về chất lượng sản phẩm tại Hội chợ Triển lãm, Thành tựu khoa học kỹ thuật lần thứ 2.
- Nhiều bằng khen, giấy khen của Chính phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Thanh Khoáng sản Việt Nam và của địa phương.

### **3. Cơ cấu tổ chức UEM**

UEM có cơ cấu tổ chức bộ máy theo mô hình công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của UEM và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Cụ thể sơ đồ như sau:

## Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Cơ điện Ưng Bí – Vinacomin



Nguồn: UEM

## 3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có các chức năng bao gồm: Thông qua định hướng phát triển của Công ty; Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm

soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

### **3.2 Hội đồng quản trị**

Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; Thông qua các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hàng năm; Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.

### **3.3 Ban Giám đốc**

Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc; Tuyển dụng lao động; Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### **3.4 Ban Kiểm soát**

Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

Quyết định Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### 3.5 Các phòng ban Công ty

| Phòng/Đơn vị              | Chức năng nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phòng Kế hoạch vật tư     | Giao kế hoạch sản xuất, theo dõi, bám sát chỉ tiêu kế hoạch, đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng chủng loại, đúng chất lượng nguyên nhiên liệu, vật tư sản xuất...             |
| Phòng Tổ chức- Hành chính | Quản lý công tác tổ chức và tổ chức nhân sự trong toàn Công ty; lập kế hoạch nguồn lực lao động, làm thủ tục ký kết hợp đồng lao động theo luật định.                                                                                                     |
| Phòng Kỹ thuật - Cơ điện  | Quản lý kỹ thuật và tổ chức nghiên cứu khoa học kỹ thuật phục vụ cho SXKD của Công ty. Quản lý chặt chẽ và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật trong công nghệ sản xuất để sản phẩm sản xuất ra đảm bảo đúng chất lượng, tiêu chuẩn. |
| Phòng Kế toán             | Quản lý hệ thống tài chính - kế toán của Công ty, xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty.                                                                                                                                                                |

### 4. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành và cơ cấu vốn cổ phần

Ngày 24/09/2015, cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ điện Ưng Bí - Vinacomín chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tính đến thời điểm hiện nay, số liệu về cổ phiếu UEM hiện đang đăng ký giao dịch trên sàn Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Thông tin về cổ phiếu UEM như sau:

- Tổng giá trị đăng ký giao dịch hiện tại là: 24.381.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 2.438.100 cổ phiếu.
- Mã cổ phiếu: UEM

Cơ cấu cổ đông của UEM tại ngày 04/04/2025 như sau:

**Cơ cấu cổ đông của UEM tại thời điểm 04/04/2025***(thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất)*

| Stt        | Tên cổ đông               | Số lượng cổ đông | Số cổ phần nắm giữ (CP) | Tỷ lệ (%)     |
|------------|---------------------------|------------------|-------------------------|---------------|
| <b>I</b>   | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>117</b>       | <b>2.437.584</b>        | <b>99,98%</b> |
|            | Trong đó:                 |                  |                         |               |
|            | - Tổ chức:                | 1                | 862.306                 | 35,37%        |
|            | - Cá nhân:                | 116              | 1.575.278               | 64,61%        |
| <b>II</b>  | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>1</b>         | <b>516</b>              | <b>0,02%</b>  |
|            | Trong đó:                 |                  |                         |               |
|            | - Tổ chức:                | 0                | 0                       | 0             |
|            | - Cá nhân:                | 1                | 516                     | 0,02%         |
| <b>III</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>0</b>         | <b>0</b>                | <b>0</b>      |
|            | <b>Tổng cộng</b>          | <b>118</b>       | <b>2.438.100</b>        | <b>100%</b>   |

*Nguồn: UEM***Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của UEM tại thời điểm****04/04/2025**

| Stt              | Tên cổ đông                                     | Số CNĐKDN  | Địa chỉ                                                                             | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) trên VDL thực góp |
|------------------|-------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----------------------------|
| 1                | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 5700100256 | Số 3 phố Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 862.306          | 35,37%                      |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                 |            |                                                                                     | <b>862.306</b>   | <b>35,37%</b>               |

*Nguồn: UEM***5. Danh sách công ty con Công ty liên kết của UEM tại thời điểm 31/03/2025**

Không có.

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1 Sản phẩm và dịch vụ cung cấp

Công ty Cổ phần Cơ điện Ưông Bí là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp (cơ khí và cơ điện), chuyên cung cấp các sản phẩm và dịch vụ phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp, đặc biệt là ngành khai thác than, điện, cơ khí chế tạo, xây dựng, và các ngành công nghiệp nặng khác. Cụ thể như sau:

#### **Các sản phẩm cơ khí chế tạo:**

Công ty Cổ phần Cơ điện Ưông Bí chuyên sản xuất và chế tạo các sản phẩm cơ khí phục vụ cho các ngành công nghiệp. Các sản phẩm chủ yếu bao gồm:

**Thiết bị, máy móc phục vụ khai thác mỏ:** Các thiết bị cơ khí chuyên dụng như băng tải, thiết bị nghiền sàng, máy xúc, máy khoan, thiết bị vận chuyển than, và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động khai thác và vận chuyển than. Những thiết bị này phải đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và độ bền cao để hoạt động trong môi trường khắc nghiệt của ngành khai thác mỏ.

**Thiết bị cơ khí công nghiệp:** Bao gồm các bộ phận máy móc, thiết bị gia công cơ khí, các hệ thống nâng hạ, băng tải và các chi tiết cơ khí khác sử dụng trong nhiều ngành công nghiệp chế biến, xây dựng, hoặc sản xuất điện.

**Các sản phẩm cơ khí chế tạo theo yêu cầu:** Công ty cung cấp các sản phẩm cơ khí theo yêu cầu của khách hàng, bao gồm các chi tiết máy, linh kiện, kết cấu thép, thiết bị cơ khí, v.v. Các sản phẩm này được sản xuất theo bản vẽ hoặc thiết kế của khách hàng với độ chính xác cao.

#### **Dịch vụ cơ điện:**

Công ty Cổ phần Cơ điện Ưông Bí cung cấp một loạt các dịch vụ cơ điện, bao gồm:

**Lắp đặt và bảo trì hệ thống cơ điện:** Công ty thực hiện các công việc lắp đặt, sửa chữa, và bảo trì hệ thống điện, điện tử, hệ thống điều khiển tự động hóa cho các nhà máy, xí nghiệp, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp khai thác, sản xuất điện và chế biến.

**Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa máy móc, thiết bị cơ khí:** Công ty cung cấp các dịch vụ bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa máy móc và thiết bị cơ khí, bao gồm các thiết bị nặng như máy xúc, máy khoan, các hệ thống băng tải, v.v. Các dịch vụ này giúp duy trì hiệu suất của máy móc, giảm thiểu hỏng hóc và tăng tuổi thọ của thiết bị.

**Lắp đặt hệ thống điện công nghiệp:** Công ty chuyên lắp đặt các hệ thống điện

công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp, các công trình xây dựng, bao gồm các công trình điện trung thế, hạ thế, các hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện điều khiển tự động hóa.

**Dịch vụ tư vấn và thiết kế hệ thống cơ điện:** Công ty cũng cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế các hệ thống cơ điện cho các dự án công nghiệp, đặc biệt là các dự án khai thác mỏ, nhà máy chế biến than, và các nhà máy sản xuất công nghiệp khác. Dịch vụ này giúp khách hàng xây dựng các hệ thống hiệu quả và tiết kiệm chi phí vận hành

**✦ Các sản phẩm và dịch vụ khác:**

**Hệ thống băng tải và thiết bị vận chuyển:** Công ty cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến hệ thống băng tải, thiết bị vận chuyển, phục vụ cho các nhà máy sản xuất, kho bãi, và đặc biệt là trong ngành khai thác và sàng tuyển than.

**Thiết bị phòng nổ và an toàn:** Công ty cung cấp các thiết bị cơ khí, điện, phòng nổ và các thiết bị an toàn cho các môi trường làm việc có nguy cơ cháy nổ cao, như trong khai thác mỏ than, các nhà máy chế biến hóa chất, v.v.

**Chế tạo và lắp đặt các công trình cơ khí:** Công ty thực hiện chế tạo và lắp đặt các công trình cơ khí như cầu thép, kết cấu thép cho các công trình xây dựng, nhà xưởng, công trình điện lực và các công trình công nghiệp khác.

**✦ Dịch vụ bảo trì và sửa chữa định kỳ:**

CTCP Cơ điện Ưông Bí cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa định kỳ cho các hệ thống, thiết bị cơ điện trong các ngành công nghiệp khai thác than, điện, xây dựng, và chế biến. Điều này giúp duy trì hoạt động ổn định và giảm thiểu sự cố trong quá trình vận hành.

Công ty là đơn vị sản xuất cơ khí, các sản phẩm chủ yếu phục vụ cho hoạt động khai thác, vận tải, sàng tuyển than cho các đơn vị sản xuất than trong TKV. Công ty sở hữu tệp khách hàng truyền thống trong TKV.

Công ty luôn giữ vững vị thế của mình trong TKV bằng những sản phẩm đặc thù như Máy xúc đá, tàu điện... Chất lượng sản phẩm của công ty luôn được đặt lên hàng đầu, vì vậy Công ty luôn nhận được sự tin tưởng từ các khách hàng.

Tuy nhiên quy mô của công ty còn nhỏ nên sự cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành còn hạn chế.

**Địa bàn kinh doanh:** Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu trong tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh lân cận, cung cấp sản phẩm cho ngành Than, ngành Điện, ngành Thép, ... và các ngành khai khoáng khác.

## 6.2 Cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp, chi phí các mảng hoạt động

### ➤ Cơ cấu doanh thu thuần

#### Cơ cấu doanh thu thuần của UEM

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục                | Năm 2023               |                | Năm 2024               |                |
|--------------------------|------------------------|----------------|------------------------|----------------|
|                          | Giá trị                | Tỷ lệ/DTT      | Giá trị                | Tỷ lệ/DTT      |
| Doanh thu bán thành phẩm | 180.695.918.828        | 100,00%        | 152.661.144.136        | 100,00%        |
| <b>Tổng cộng</b>         | <b>180.695.918.828</b> | <b>100,00%</b> | <b>152.661.144.136</b> | <b>100,00%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM

Doanh thu thuần của Công ty 100% là đến từ doanh thu bán thành phẩm trong 2 năm 2023 và năm 2024. Doanh thu bán thành phẩm chủ yếu đến từ việc bán các sản phẩm cơ khí.

#### Doanh thu đối với các bên liên quan của UEM

Đơn vị tính: Đồng

| STT       | Khoản mục                                | Năm 2023               |               | Năm 2024              |               |
|-----------|------------------------------------------|------------------------|---------------|-----------------------|---------------|
|           |                                          | Giá trị                | Tỷ lệ/DTT     | Giá trị               | Tỷ lệ/DTT     |
| <b>I.</b> | <b>Trong Tập đoàn</b>                    | <b>148.452.028.063</b> | <b>82,16%</b> | <b>77.867.901.472</b> | <b>51,01%</b> |
| 1.        | Công ty Than Mạo Khê-TKV                 | 4.074.081.811          | 2,25%         | 4.123.504.305         | 2,70%         |
| 2.        | Công ty CP than Hà Lâm-Vinacomin         | 4.232.289.691          | 2,34%         | 3.097.630.000         | 2,03%         |
| 3.        | Cty CP chế tạo máy-Vinacomin             | -                      | 0,00%         | 224.410.000           | 0,15%         |
| 4.        | Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê-Vinacomin | 25.000.000             | 0,01%         | 713.912.000           | 0,47%         |
| 5.        | Công ty cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin | 20.473.008.310         | 11,33%        | 14.931.271.661        | 9,78%         |
| 6.        | Công ty kho vận Đá Bạc-Vinacomin         | 6.850.457.081          | 3,79%         | 10.924.007.834        | 7,16%         |
| 7.        | Công ty Than Dương Huy-TKV               | 24.952.193.195         | 13,81%        | 14.780.742.088        | 9,68%         |
| 8.        | Công ty Than Nam Mẫu-TKV                 | 38.505.509.095         | 21,31%        | -232.614.237          | -0,15%        |
| 9.        | Công ty Than Quang Hanh-TKV              | 8.171.723.117          | 4,52%         | 9.436.381.974         | 6,18%         |
| 10.       | Công ty Than Thống Nhất-TKV              | 1.244.939.477          | 0,69%         | 1.276.075.057         | 0,84%         |



| STT        | Khoản mục                         | Năm 2023               |               | Năm 2024               |               |
|------------|-----------------------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
|            |                                   | Giá trị                | Tỷ lệ/DTT     | Giá trị                | Tỷ lệ/DTT     |
| 11.        | Công ty xây lắp mỏ TKV            | 1.823.758.515          | 1,01%         | 1.267.569.029          | 0,83%         |
| 12.        | Công ty Than Uông Bí-TKV          | 13.872.628.328         | 7,68%         | 0                      | 0,00%         |
| 13.        | Công ty Than Hòn Gai - TKV        | 300.550.000            | 0,17%         | 0                      | 0,00%         |
| 14.        | Công ty Than Hạ Long-TKV          | 3.686.310.002          | 2,04%         | 1.362.746.923          | 0,89%         |
| 15.        | Công ty Than Khe Châm-TKV         | 673.969.233            | 0,37%         | 0                      | 0,00%         |
| 16.        | Công ty CP than Núi Béo-Vinacomin | 866.391.456            | 0,48%         | 0                      | 0,00%         |
| 17.        | Công ty TNHH MTV Môi trường-TKV   | 2.371.500              | 0,00%         | 632.400                | 0,0004%       |
| 18.        | Công ty Than Mông Dương-Vincomin  | 18.696.847.252         | 10,35%        | 15.961.632.438         | 10,46%        |
| <b>II.</b> | <b>Ngoài tập đoàn</b>             | <b>32.243.890.765</b>  | <b>17,84%</b> | <b>74.793.242.664</b>  | <b>48,99%</b> |
|            | <b>Tổng cộng</b>                  | <b>180.695.918.828</b> | <b>100%</b>   | <b>152.661.144.136</b> | <b>100%</b>   |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM

Trong năm 2024, UEM ghi nhận kết quả doanh thu thuần từ các đơn vị trong cùng Tập đoàn đạt 77.867.901.472 đồng, giảm 47,55% so với năm 2023; trong khi đó, doanh thu thuần từ các đơn vị ngoài Tập đoàn đạt 74.793.242.664 đồng, tăng 131,96% so với năm 2023. Nguyên nhân của sự sụt giảm về doanh thu thuần từ các đơn vị trong cùng Tập đoàn đến từ việc theo quy định tại Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023, UEM là công ty con của TKV nên không được trực tiếp đấu thầu với các công ty của TKV mà các Công ty ngoài TKV làm nhà thầu chính và Công ty phải làm nhà thầu phụ.

#### ➤ Cơ cấu lợi nhuận gộp

##### Cơ cấu lợi nhuận gộp UEM

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục             | Năm 2023              |               | Năm 2024              |               |
|-----------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
|                       | Giá trị               | Tỷ lệ/DTT     | Giá trị               | Tỷ lệ/DTT     |
| LN gộp bán thành phẩm | 20.008.638.836        | 11,07%        | 16.149.878.438        | 10,58%        |
| <b>Tổng cộng</b>      | <b>20.008.638.836</b> | <b>11,07%</b> | <b>16.149.878.438</b> | <b>10,58%</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM



➤ **Cơ cấu chi phí**

**Cơ cấu chi phí của UEM**

*Đơn vị tính: Đồng*

| Khoản mục          | Năm 2023               |               | Năm 2024               |               |
|--------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
|                    | Giá trị                | Tỷ lệ/DTT     | Giá trị                | Tỷ lệ/DTT     |
| Giá vốn hàng bán   | 160.687.279.992        | 88,93%        | 136.511.265.698        | 89,42%        |
| Chi phí tài chính  | 1.804.457.778          | 1,00%         | 2.061.953.958          | 1,35%         |
| Chi phí bán hàng   | -1.226.778.039         | -0,68%        | -1.714.546.307         | -1,12%        |
| Chi phí quản lý DN | 15.558.124.719         | 8,61%         | 14.399.572.640         | 9,43%         |
| Chi phí khác       | 332.669.658            | 0,18%         | 374.767.400            | 0,25%         |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>177.155.754.108</b> | <b>98,04%</b> | <b>151.633.013.389</b> | <b>99,33%</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM*

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất, tiếp đến là chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí bán hàng.

Giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác chiếm tỷ trọng khá ổn định trên doanh thu thuần trong năm 2023 và năm 2024 do Công ty đã có chính sách kiểm soát chi phí hợp lý.

Năm 2023 và 2024, chi phí bán hàng của UEM bị âm, lần lượt đạt -1.226.778.039 đồng và -1.714.546.307 đồng do UEM đã thực hiện hoàn nhập chi phí bảo hành sản phẩm.

**7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

**7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh**

**Kết quả hoạt động kinh doanh của UEM**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| Chỉ tiêu                          | Năm 2023        | Năm 2024        | Tỷ lệ tăng/giảm<br>2024/2023 |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản              | 81.226.814.204  | 103.435.511.276 | 27,34%                       |
| Vốn chủ sở hữu                    | 28.003.619.718  | 26.375.788.661  | -5,81%                       |
| Doanh thu thuần                   | 180.695.918.828 | 152.661.144.136 | -15,51%                      |
| Lợi nhuận gộp                     | 20.008.638.836  | 16.149.878.438  | -19,29%                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 3.876.854.898   | 1.405.440.628   | -63,75%                      |
| Lợi nhuận khác                    | 432.526.802     | 678.426.088     | 56,85%                       |
| Lợi nhuận trước thuế              | 4.309.381.700   | 2.083.866.716   | -51,64%                      |
| Lợi nhuận sau thuế                | 3.272.299.310   | 1.644.468.253   | -49,75%                      |



| Chỉ tiêu                      | Năm 2023 | Năm 2024 | Tỷ lệ tăng/giảm<br>2024/2023 |
|-------------------------------|----------|----------|------------------------------|
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ<br>tức | 74,51%   | -        | -                            |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM*

Theo BCTC kiểm toán của UEM, Tổng tài sản năm 2024 của Công ty tăng khoảng 27,34% so với năm 2023, từ 81.226.814.204 đồng năm 2023 lên thành 103.435.511.276 đồng năm 2024.

Bên cạnh đó, doanh thu thuần của Công ty năm 2024 ghi nhận mức giảm đáng kể, từ 180.695.918.828 đồng năm 2023 xuống còn 152.661.144.136 đồng năm 2024, tương đương với mức giảm 15,51% so với năm 2023. Nguyên nhân của sự sụt giảm này đến từ việc trong năm 2023 và năm 2024, UEM không được trực tiếp tham gia đấu thầu với các khách hàng là công ty con của TKV theo quy định tại Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023; và do sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị hoạt động trong ngành cơ khí ngoài TKV.

Trong năm 2023, UEM đã thực hiện hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành sản phẩm (2.251.267.864 tỷ đồng), từ đó dẫn đến việc lợi nhuận sau thuế năm 2023 của UEM đạt 3.272.299.310 đồng.

## **7.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của UEM trong 2 năm vừa qua**

### **➤ Thuận lợi:**

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) là một tập đoàn lớn với nhiều mối quan hệ trong ngành than và khoáng sản, điều này giúp cho CTCP Cơ điện Uông Bí có thể dễ dàng nhận được sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và chiến lược phát triển. Chính sách ưu đãi, chương trình hợp tác và các cơ chế hỗ trợ từ Tập đoàn đã tạo điều kiện thuận lợi để công ty duy trì hoạt động ổn định và mở rộng quy mô.

Các ngành công nghiệp năng lượng và khai khoáng, đặc biệt là than, vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Sự phục hồi của các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và sự phát triển của ngành năng lượng đã tạo ra nhu cầu tăng cao về các sản phẩm cơ điện, đặc biệt là các sản phẩm phục vụ khai thác và chế biến than, khoáng sản.

Trong hai năm qua, CTCP Cơ điện Uông Bí đã áp dụng những cải tiến trong quản lý sản xuất, tối ưu hóa quy trình và nâng cao năng suất lao động. Điều này giúp Công ty tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và gia tăng khả năng cạnh tranh.

### **➤ Khó khăn:**

Mặc dù đại dịch Covid-19 đã qua đi, nhưng các tác động kinh tế và xã hội do đại dịch gây ra vẫn còn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các yếu tố như gián đoạn chuỗi cung ứng, thiếu hụt lao động, cũng như sự thay đổi trong nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đều là những khó khăn mà công ty phải đối mặt. Sự cạnh tranh trên thị trường cả trong và ngoài ngành vẫn quyết liệt. Các mặt hàng truyền thống tiếp tục bị chia sẻ thị phần.

Giá nguyên liệu đầu vào (như thép, linh kiện điện tử, vật liệu xây dựng...) đã trải qua sự biến động mạnh trong 2 năm qua do các yếu tố toàn cầu như khủng hoảng năng lượng, sự thiếu hụt nguồn cung hoặc lạm phát. Điều này có thể làm tăng chi phí sản xuất của công ty, ảnh hưởng đến lợi nhuận.

Ngành cơ điện, đặc biệt là trong các lĩnh vực phục vụ ngành khai khoáng, đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các công ty trong nước và quốc tế. Các công ty khác có thể có lợi thế về công nghệ mới, giá thành thấp hoặc các chiến lược tiếp thị hiệu quả hơn, khiến CTCP Cơ điện Uông Bí gặp khó khăn trong việc duy trì thị phần và mở rộng quy mô.

Các quy định trong Luật, Nghị định, Thông tư về đấu thầu dẫn đến Công ty có tỷ lệ vốn nhà nước lớn hơn 30% và nhỏ hơn 50% không được tham gia hoặc trực tiếp tham gia đấu thầu các gói thầu trong Tập đoàn dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Có sự chuyển dịch lao động chấp dứt hợp đồng và lao động nghỉ hưu trong khi thị trường tuyển dụng lao động cơ khí không có dẫn đến khó khăn trong công tác tuyển dụng, có thời điểm thiếu lao động lành nghề cho sản xuất.

## **8. Vị thế của UEM so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **8.1 Vị thế của UEM trong ngành**

CTCP Cơ điện Uông Bí - Vinacomin là một thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin), một trong những tập đoàn lớn và có ảnh hưởng nhất trong ngành khai khoáng và năng lượng tại Việt Nam. Đây là yếu tố giúp công ty có nhiều lợi thế về tài chính, công nghệ, và mối quan hệ trong ngành.

Công ty có thể tận dụng nguồn lực tài chính mạnh mẽ từ tập đoàn mẹ. Điều này không chỉ giúp công ty duy trì sự ổn định tài chính mà còn tạo ra những cơ hội hợp tác, đặc biệt trong các dự án lớn phục vụ cho các mỏ khai thác than và khoáng sản của Vinacomin.

Là đơn vị có truyền thống trong ngành với hơn 60 năm xây dựng và phát triển, Công ty có nhiều kinh nghiệm trong việc cung cấp các dịch vụ cơ điện, bảo trì, sửa chữa và lắp đặt thiết bị cho các dự án khai thác mỏ, đặc biệt là trong ngành than và khoáng sản. Kinh nghiệm này tạo cho công ty một lợi thế cạnh tranh trong việc đáp ứng nhu cầu đặc thù của các dự án khai khoáng, yêu cầu về kỹ thuật cao và tính chuyên môn hóa.

Nhờ vào việc có nguồn lực mạnh mẽ từ Vinacomin, CTCP Cơ điện Uông Bí có thể tham gia vào các dự án lớn của ngành khai khoáng mà các đối thủ nhỏ hơn không có khả năng tham gia. Các công ty lớn khác trong ngành cũng có thể không có đủ nguồn lực tài chính và chuyên môn để thực hiện những dự án quy mô lớn và yêu cầu công nghệ cao.

## 8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành khai khoáng ở Việt Nam, đặc biệt là khai thác than và các khoáng sản khác, vẫn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Dù chính phủ đang thúc đẩy chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, trong ngắn hạn, nhu cầu về than cho các nhà máy nhiệt điện và các ngành công nghiệp chế biến vẫn rất lớn. Các dự án khai thác than mở rộng và phát triển sẽ tạo ra nhu cầu tăng trưởng về các thiết bị cơ điện chuyên dụng, từ các máy móc khai thác đến các hệ thống điện, băng tải, thiết bị bảo trì và sửa chữa. Đặc biệt, các mỏ khai thác mới hoặc các mỏ đang mở rộng quy mô đều cần phải trang bị các hệ thống cơ điện tiên tiến, hiện đại, nhằm tăng hiệu suất khai thác và giảm chi phí.

Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam đã và đang áp dụng các chính sách bảo vệ môi trường nghiêm ngặt đối với hoạt động khai khoáng. Điều này thúc đẩy các công ty trong ngành phải đầu tư vào công nghệ sạch và hiệu quả hơn. Những yêu cầu về giảm thiểu khí thải, bảo vệ nguồn nước và đất đai trong quá trình khai thác khoáng sản sẽ làm gia tăng nhu cầu về các thiết bị cơ điện xanh. Các công ty cơ điện cần phát triển các giải pháp sử dụng ít năng lượng, thân thiện với môi trường, cũng như giảm thiểu tác động xấu đến hệ sinh thái. Với sự hỗ trợ từ Vinacomin, CTCP Cơ điện Uông Bí có thể tận dụng cơ hội này để nghiên cứu và cung cấp các giải pháp cơ điện bền vững, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về công nghệ sạch.

Nhiều mỏ khai khoáng tại Việt Nam đã đi vào khai thác trong nhiều năm, dẫn đến nhu cầu bảo trì, sửa chữa và nâng cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị cơ điện ngày càng lớn. Các thiết bị khai thác như máy xúc, băng tải, máy nghiền, hệ thống điện, sau một thời gian sử dụng, sẽ cần phải bảo trì hoặc thay thế để duy trì hiệu suất hoạt động. Điều này tạo ra nhu cầu không nhỏ về các dịch vụ bảo trì, sửa chữa và nâng cấp thiết bị cơ điện. Với khả năng cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và thay thế các hệ thống cơ điện, CTCP Cơ điện Uông Bí có thể tận dụng cơ hội này để mở rộng thị trường và gia tăng doanh thu ổn định.

Việc đầu tư vào các dự án khai thác mỏ mới và mở rộng các mỏ hiện có là một xu hướng rõ rệt trong ngành khai khoáng ở Việt Nam. Chính phủ đang khuyến khích đầu tư vào khai thác khoáng sản để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế trong dài hạn. Các công ty khai khoáng sẽ phải đầu tư mạnh mẽ vào thiết bị cơ điện để phục vụ các dự án này. Đặc biệt, các dự án khai thác quy mô lớn sẽ yêu cầu công ty cung cấp các giải pháp cơ điện toàn diện, từ thiết kế, lắp đặt đến bảo trì. CTCP Cơ điện Ưông Bí, với mối quan hệ chặt chẽ với Vinacomin, có thể tham gia vào các dự án lớn, tận dụng tiềm lực tài chính và chuyên môn kỹ thuật để phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực này.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/03/2025 là **161** người, cơ cấu lao động được thể hiện trong bảng sau:

**Cơ cấu lao động của UEM tại thời điểm 31/03/2025**

|   | Phân loại theo trình độ lao động | Số lượng   | Tỷ lệ       |
|---|----------------------------------|------------|-------------|
|   | <b>Phân theo trình độ</b>        |            |             |
| 1 | Trình độ trên đại học            |            |             |
| 2 | Đại học, cao đẳng                | 60         | 37,27%      |
| 3 | Trung cấp                        | 35         | 21,74%      |
| 4 | Lao động khác                    | 66         | 40,99%      |
|   | <b>Tổng cộng</b>                 | <b>161</b> | <b>100%</b> |

*Nguồn: UEM*

### 9.2 Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi

#### ✚ Chế độ làm việc với người lao động:

**Thời gian làm việc:** Thời gian làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần. Các chế độ nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm đau thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động.

**Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát. Đối với lao động trực tiếp công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

#### ✚ Chính sách lương:

Công ty thực hiện chi trả lương cho CBCNV dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bảng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh và hàng tháng được chi trả một lần. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Công ty.

### **Chính sách thưởng:**

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, hàng Quý, hàng năm Công ty đều tổ chức bình bầu các cá nhân, nhóm làm việc tiêu biểu, khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có nhiều đóng góp xây dựng cho Công ty cũng như các sáng kiến làm tăng hiệu quả công việc. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí. Hình thức khen thưởng cũng rất đa dạng, bên cạnh thưởng bằng tiền, hiện vật, Công ty còn tổ chức khen thưởng bằng những chuyến du lịch khi có điều kiện, khen thưởng bằng cổ phiếu thưởng của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### **Bảo hiểm và phúc lợi:**

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho CBCNV. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề an toàn lao động cho lao động trực tiếp sản xuất. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Hàng năm, vào dịp hè Công ty tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát; nhân dịp 8/3 Công ty tổ chức thăm quan, du lịch; tổ chức tặng quà nhân dịp sinh nhật, tặng quà cho con CBCNV nhân dịp 1/6, tết trung thu; tổ chức thăm và tặng quà CBCNV có hoàn cảnh khó khăn

 Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty như sau:

#### **Thu nhập bình quân của CBCNV của UEM qua các năm**

| <b>Năm</b> | <b>Mức thu nhập bình quân</b> |
|------------|-------------------------------|
| Năm 2023   | 11.800.000 đồng/người/tháng   |
| Năm 2024   | 10.981.000 đồng/người/tháng   |

*Nguồn: UEM*

### **10.3. Chính sách đào tạo và tuyển dụng**

**Chính sách tuyển dụng:** chính sách tuyển dụng công bằng, minh bạch cho tất cả các vị trí tại Trụ sở chính và Công ty thành viên. UEM có Quy chế và Quy trình tuyển dụng được ban hành bằng văn bản và được thực hiện tại Trụ sở chính và các công ty thành

viên. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

**Chính sách Đào tạo:** Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty cũng luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức nghiệp vụ chuyên môn. Hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài. Các cán bộ công nhân viên có yêu cầu học tập cũng được Công ty hỗ trợ chi phí cho các khóa nâng cao trình độ nghiệp vụ, chuyên môn.

## 10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do HĐQT xây dựng, đề xuất và ĐHCĐ quyết định trên nguyên tắc sau:

Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty cho các cổ đông theo tỷ lệ phần góp vốn.

Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời vẫn đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình hình chi trả cổ tức các năm qua của Công ty như sau:

### Tình hình chi trả cổ tức qua các năm của UEM

| Stt | Năm trả cổ tức | Ngày trả cổ tức | Tỷ lệ chi trả cổ tức | Ghi chú                  |
|-----|----------------|-----------------|----------------------|--------------------------|
| 1   | 2022           | 24/05/2023      | 11%                  | Đã chi trả bằng tiền mặt |
| 2   | 2023           | 22/05/2024      | 10%                  | Đã chi trả bằng tiền mặt |

Nguồn: UEM

## 11. Tình hình tài chính

### 11.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Theo Báo cáo tài chính của Công ty, khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

**Bảng số năm khấu hao TSCĐ hữu hình**

| Loại tài sản                    | Thời gian khấu hao<br>(năm) |
|---------------------------------|-----------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 50 năm                 |
| Máy móc, trang thiết bị         | 03 – 10 năm                 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 năm                 |
| Thiết bị quản lý                | 03 – 05 năm                 |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của UEM*

Công ty luôn thực hiện trích khấu hao tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

**11.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin cam kết đã thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của các khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng/cam kết và không có nợ quá hạn tính đến thời điểm hiện tại.

**11.3 Các khoản phải nộp theo luật định**

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến thuế theo quy định.

Tình hình các khoản phải nộp theo luật định của UEM tại các thời điểm như sau:

**Các khoản phải nộp theo luật định**

*Đơn vị tính: Đồng*

| Chỉ tiêu                                   | 31/12/2023           | 31/12/2024         |
|--------------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa     | 1.064.307.482        | 688.700.319        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                 | 182.098.813          | 152.301.130        |
| Thuế thu nhập cá nhân                      | 25.210.594           | -                  |
| Thuế khác                                  | -                    | -                  |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b> | <b>1.271.616.889</b> | <b>841.001.449</b> |

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM*

Trong năm 2023, UEM đã nhận Quyết định số 5756/QĐ-CTQNI ngày 12/06/2023 của Tổng Cục thuế tỉnh Quảng Ninh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, và Quyết định số 6475/QĐ-CTQNI ngày 26/06/2023 của Tổng Cục thuế tỉnh Quảng



Ninh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. UEM đã thực hiện đóng các khoản phạt trên theo đúng nội dung của các Quyết định.

#### 11.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

#### Tình hình trích lập các quỹ của UEM

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2023           | 31/12/2024         |
|---------------------------|----------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 759.517.650          | 17.384.960         |
| Quỹ đầu tư phát triển     | 350.320.408          | 350.320.408        |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>1.109.838.058</b> | <b>367.705.368</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM

#### 11.5 Tình hình công nợ

##### ➤ Tình hình các khoản phải thu

#### Tình hình các khoản phải thu của UEM

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu                           | 31/12/2023            | 31/12/2024            |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> | <b>40.654.670.075</b> | <b>54.692.125.686</b> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 39.671.655.299        | 54.643.624.561        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 943.281.613           | 33.400.121            |
| Phải thu ngắn hạn khác             | 39.733.163            | 15.101.004            |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>  | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>Tổng</b>                        | <b>40.654.670.075</b> | <b>54.692.125.686</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM

##### ➤ Tình hình các khoản phải trả

#### Tình hình các khoản nợ phải trả của UEM

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu                            | 31/12/2023            | 31/12/2024            |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>53.223.194.486</b> | <b>77.059.722.615</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn         | 20.009.157.223        | 36.130.235.637        |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn   | 1.398.713.250         | 55.118.250            |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 1.271.616.889         | 841.001.449           |
| Phải trả người lao động             | 3.216.176.315         | 1.274.731.806         |
| Chi phí phải trả ngắn hạn           | 297.738.067           | 117.121.139           |



| Chỉ tiêu                          | 31/12/2023            | 31/12/2024            |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả ngắn hạn khác            | 56.246.348            | 93.891.580            |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 23.619.830.293        | 38.530.237.794        |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn        | 2.594.198.451         | -                     |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi       | 759.517.650           | 17.384.960            |
| <b>Nợ dài hạn</b>                 | -                     | -                     |
| <b>Tổng cộng</b>                  | <b>53.223.194.486</b> | <b>77.059.722.615</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM

## 11.6 Tình hình dư nợ vay

### Tình hình dư nợ của UEM

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu                                                          | 31/12/2023            | 31/12/2024            |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Vay ngắn hạn</b>                                               | <b>23.619.830.293</b> | <b>38.530.237.794</b> |
| Ngân hàng TMCP Công thương<br>- Chi nhánh Uông Bí                 | 10.108.204.333        | 23.755.917.449        |
| Ngân hàng TMCP Ngoại<br>thương Việt Nam - Chi nhánh<br>Quảng Ninh | 13.511.625.960        | 14.774.320.345        |
| <b>Tổng cộng</b>                                                  | <b>23.619.830.293</b> | <b>38.530.237.794</b> |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM

- (i) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Uông Bí theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCT304-CDUB ngày 15/10/2024 với hạn mức 25.000.000.000 VNĐ nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Các khoản vay có thời hạn 06 tháng và chịu lãi suất từ 5 – 6%/năm, lãi vay được thanh toán định kỳ hàng tháng và gốc vay được thanh toán một lần khi đáo hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tín chấp.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/HM/NTQN-CDUB ngày 20/11/2023 với hạn mức 30.000.000.000 VNĐ nhằm mục đích tài trợ các nhu cầu vay ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Các khoản vay có thời hạn 06 tháng và chịu lãi suất từ 6,8 – 8,0%/năm, lãi vay được thanh toán định kỳ hàng tháng và gốc vay được thanh toán một lần khi đáo hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau:



- *Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị thuộc sở hữu hợp pháp theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/2020/MMTB/TC/NTQN-CDUB ngày 28 tháng 2 năm 2020.*
- *Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị thuộc sở hữu hợp pháp theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 01/2022/MMTB/TC/NTQN-CDUB ngày 14 tháng 10 năm 2022.*
- *Thế chấp tài sản là quyền đòi nợ và/hoặc quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mua bán ký giữa Công ty và các bên có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 01/2023/QDN/NTQN-CDUB ngày 13 tháng 09 năm 2023.*
- *Thế chấp tài sản là hàng hóa luân chuyển theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2023/HTK/NTQN-CDUB ngày 13 tháng 09 năm 2023.*

Tình hình dư nợ vay của UEM có dấu hiệu tăng mạnh trong năm 2024, cụ thể tại 31/12/2024, dư nợ vay của UEM đạt 38.530.237.794 đồng, tăng 63,13% so với năm 2023. Nguyên nhân là do UEM bán cho các doanh nghiệp thương mại ngoài TKV nên thu hồi công nợ chậm. Do đó, UEM phải thực hiện vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động.

#### 11.7 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu                                                            | Đvt   | Năm<br>2023 | Năm<br>2024 |
|---------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                              |       |             |             |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn:<br>(TSLĐ/Nợ ngắn hạn)                 | (lần) | 1,30        | 1,15        |
| Hệ số thanh toán nhanh:<br>(TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn                   | (lần) | 0,78        | 0,72        |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                       |       |             |             |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                               | (lần) | 0,66        | 0,75        |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                             | (lần) | 1,90        | 2,92        |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                               |       |             |             |
| Vòng quay hàng tồn kho<br>(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | (lần) | 6,19        | 4,48        |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                        | (lần) | 2,22        | 1,48        |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                |       |             |             |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                  | (%)   | 1,81%       | 1,08%       |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                                   | (%)   | 11,60%      | 6,05%       |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                                     | (%)   | 3,47%       | 1,78%       |



| Chỉ tiêu                                | Đvt       | Năm<br>2023 | Năm<br>2024 |
|-----------------------------------------|-----------|-------------|-------------|
| LN từ HĐKD/Doanh thu thuần              | (%)       | 2,15%       | 0,92%       |
| Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần | (đồng/cp) | 1.000       | -           |

Nguồn: Tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2023 và 2024 của UEM

## 12. Tình hình tài sản

### 12.1 Tình hình tài sản cố định hữu hình

#### Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục                | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | % GTCL/NG |
|--------------------------|----------------|-----------------|-----------|
| TSCĐ hữu hình            | 70.729.863.367 | 10.956.026.858  | 15,49%    |
| Nhà cửa, vật kiến trúc   | 16.107.981.955 | 2.805.340.157   | 17,42%    |
| Máy móc, trang thiết bị  | 48.804.846.230 | 8.135.782.450   | 16,67%    |
| Phương tiện vận tải      | 5.186.517.182  | -               | 0,00%     |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 630.518.000    | 14.904.251      | 2,36%     |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của UEM

#### Tình hình tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục                | Nguyên giá     | Giá trị còn lại | % GTCL/NG |
|--------------------------|----------------|-----------------|-----------|
| TSCĐ hữu hình            | 74.646.538.738 | 12.927.160.131  | 17,32%    |
| Nhà cửa, vật kiến trúc   | 16.107.981.955 | 2.524.396.829   | 15,67%    |
| Máy móc, trang thiết bị  | 52.859.901.601 | 10.394.949.047  | 19,67%    |
| Phương tiện vận tải      | 5.186.517.182  | -               | 0,00%     |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 492.138.000    | 7.814.255       | 1,59%     |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của UEM

- Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 51.421.508.542 VNĐ (tại ngày 31/12/2023 là 49.939.706.724 VNĐ).
- Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31/12/2024 chờ thanh lý là

0 VNĐ (tại ngày 31/12/2023 là 0 VNĐ).

- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 8.752.412.654 VNĐ (tại ngày 31/12/2023 là 6.199.776.757 VNĐ).

## 12.2 Tài sản cố định vô hình

### Tình hình tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục         | Nguyên giá  | Giá trị còn lại | % GTCL/NG |
|-------------------|-------------|-----------------|-----------|
| TSCĐ vô hình      | 253.538.500 | 176.774.194     | 69,72%    |
| Phần mềm máy tính | 253.538.500 | 176.774.194     | 69,72%    |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của UEM

### Tình hình tài sản cố định vô hình tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục         | Nguyên giá  | Giá trị còn lại | % GTCL/NG |
|-------------------|-------------|-----------------|-----------|
| TSCĐ vô hình      | 253.538.500 | 176.774.194     | 69,72%    |
| Phần mềm máy tính | 253.538.500 | 176.774.194     | 69,72%    |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của UEM

- Nguyên giá Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2024 đã khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 73.538.500 VNĐ (tại ngày 31/12/2023 là 73.538.500 VNĐ).
- Nguyên giá Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2024 chờ thanh lý là 0 VNĐ (tại ngày 31/12/2023 là 0 VNĐ).
- Giá trị còn lại của Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2024 đã được dùng làm tài sản cầm cố, thế chấp là 0 VNĐ (tại ngày 31/12/2023 là 0 VNĐ).

## 12.3 Tình hình đất đang quản lý, sử dụng

Hiện nay, Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin đang quản lý, sử dụng 1 mảnh đất. Thông tin cụ thể như sau:

| Stt | Địa chỉ       | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Mục đích sử dụng | Thời hạn sử dụng | Hình thức sử dụng | Căn cứ pháp lý                       |
|-----|---------------|-----------------------------|------------------|------------------|-------------------|--------------------------------------|
| 1   | Tổ 13, Khu 8, | 35.586,1                    | Đất cơ sở sản    | 20 năm, hết      | Đất sở            | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số |



| Stt | Địa chỉ                                        | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Mục đích sử dụng                         | Thời hạn sử dụng    | Hình thức sử dụng | Căn cứ pháp lý               |
|-----|------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------|---------------------|-------------------|------------------------------|
|     | P. Bắc Sơn, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh |                             | xuất phi nông nghiệp. Làm trụ sở nhà máy | hạn ngày 01/01/2036 | hữu               | GCN: CT07626 ngày 26/12/2017 |

Nguồn: UEM

**13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025****Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2025 của UEM**

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Chỉ tiêu                                 | Năm 2024        |                 |                            | Năm 2025        |                             |
|-----|------------------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------------|-----------------|-----------------------------|
|     |                                          | Kế hoạch        | Thực hiện       | %thực hiện so với kế hoạch | Kế hoạch        | % tăng giảm so với năm 2024 |
| (1) | (2)                                      | (3)             | (4)             | (5)                        | (6)             | (7)                         |
| 1   | Vốn chủ sở hữu                           | 27.800.000.000  | 26.375.788.661  | 94,88%                     | 27.771.000.000  | 5,29%                       |
| 2   | Doanh thu thuần                          | 155.000.000.000 | 152.661.144.136 | 98,49%                     | 164.873.880.000 | 8,00%                       |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế                       | 3.120.000.000   | 1.644.468.253   | 52,71%                     | 1.776.000.000   | 8,00%                       |
| 4   | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu  | 0,11            | 0,06            |                            | 0,06            |                             |
| 5   | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,02            | 0,01            |                            | 0,01            |                             |
| 6   | Tỷ lệ chia cổ tức                        | 10%             | 5%              |                            | 8%              |                             |

Nguồn: UEM

Để xây dựng được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên, CTCP Cơ điện Ung Bí – Vinacomin căn cứ vào các yếu tố sau:

**(i) Tận dụng, phát huy tốt các nguồn lực hiện có của UEM:**

- Tập trung quản lý, điều hành hoàn thành mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra;
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, tiếp tục giữ vững uy tín và thương hiệu các mặt hàng truyền thống của Công ty.

**(ii) Bảo toàn vốn chủ sở hữu và vốn của các cổ đông:**

- Chủ động nguồn vốn sản xuất kinh doanh; tăng cường công tác thu nợ, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn của Công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác khoán quản trị chi phí cho các đơn vị trong Công ty.

**(iii) Tập trung quản lý, chỉ đạo công tác đầu tư và duy trì sản xuất theo chiều sâu nhằm đảm bảo phát triển ổn định Công ty trước mắt cũng như lâu dài:**

- Tiếp tục nghiên cứu chế tạo phát triển các sản phẩm mới nhằm tạo thêm việc làm, mở rộng thị trường tiêu thụ ra ngoài ngành than.

**(iv) Tiếp tục nghiên cứu tái cơ cấu lao động, kiện toàn công tác tổ chức cán bộ:**

- Sắp xếp lại nhân lực trong các dây chuyền sản xuất;
- Giải quyết các chế độ cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành;
- Quan tâm và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ và nhân viên kỹ thuật nòng cốt, công nhân kỹ thuật có trình độ tay nghề cao.

**14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của UEM**

Không có.

**15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn**

Không có.

**VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**

- |                 |   |                                                    |
|-----------------|---|----------------------------------------------------|
| 1. Tên cổ phần  | : | Cổ phần Công ty cổ phần Cơ điện Ung Bí - Vinacomin |
| 2. Loại cổ phần | : | Cổ phần phổ thông                                  |



|                                          |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3. Mệnh giá                              | : | 10.000 đồng/cổ phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 4. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng | : | 862.306 cổ phần<br>(tương ứng 35,37% vốn điều lệ thực góp của UEM).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 5. Giá khởi điểm chào bán cạnh tranh     | : | <b>38.400 đồng/CP.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 6. Phương pháp/Cơ sở tính giá khởi điểm  | : | <p>Căn cứ theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 và Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ). Giá khởi điểm không thấp hơn các mức giá:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>• Mức giá theo Chứng thư thẩm định giá số 014/2024/1612.002.KT7 ngày 16/12/2024 do Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC phát hành là 38.400 đồng/cổ phần;</li><li>• Giá tham chiếu bình quân 30 ngày liên tiếp trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của mã cổ phiếu UEM;</li><li>• Giá tham chiếu của mã cổ phiếu UEM trước ngày phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn 01 ngày.</li></ul> |
|                                          | : | (*) Chứng thư thẩm định giá số 014/2024/1612.002.KT7 ngày 16/12/2024 sử dụng 03 phương pháp thẩm định giá bao gồm: Phương pháp tài sản; Phương pháp chiết khấu dòng tiền; Chiết khấu dòng tiền tự do vốn chủ sở hữu; và Phương pháp giá giao dịch.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 7. Phương thức chuyển nhượng vốn         | : | Chào bán cạnh tranh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 8. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh | : | Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |



9. Thời gian thực chuyển nhượng vốn dự kiến : Quý II năm 2025.
- 
10. Thủ tục và thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến : Được quy định cụ thể tại Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần.
- 
11. Tiền đặt cọc : Bằng 10% giá trị số cổ phần đăng ký mua tính theo mức Giá khởi điểm (10% x tổng số cổ phần đặt mua x Giá khởi điểm).
- 
12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài : **100%** (theo tài liệu của Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin cung cấp).
- 
13. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn : Toàn bộ cổ phần UEM do TKV nắm giữ là cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng theo quy định pháp luật hiện hành.
- 
14. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến cổ phiếu chào bán) : Tại Điều 15 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, TKV phải chịu thuế thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.
- 
15. Địa điểm công bố thông tin : ➤ **Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam**  
Địa chỉ: Số 3 phố Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84) 024. 3518 0141 Fax: (+84) 024. 3851 0724  
Website: www.vinacomin.vn  
  
➤ **Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin**  
Địa chỉ: Tổ 13, khu 8, Phường Bắc Sơn, Thành phố Ưông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam  
Tel: 033 3854392 Fax: 033 3854358



Website: <http://www.codienuongbi.vn>

➤ **Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)**

Trụ sở chính: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 (24) 3928 8080

Fax : +84 (24) 3928 9888

Website: [www.bvsc.com.vn](http://www.bvsc.com.vn)

➤ **Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84-24) 39347620

Fax: (84.24) 39347818

Website: [www.hnx.vn](http://www.hnx.vn)

16. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn

Hồ sơ chào bán cạnh tranh, phương tiện, địa điểm công bố thông tin chi tiết được quy định tại Quy chế chào bán cạnh tranh cổ phần UEM do TKV sở hữu được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

Tổ chức, cá nhân là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ và tổ chức, cá nhân sau khi mua cổ phiếu mà trở thành cổ đông lớn phải thực hiện báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nhà đầu tư có trách nhiệm tìm hiểu và thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Luật Cạnh tranh do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 12/6/2018 và Nghị định số 35/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 24/3/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật cạnh tranh và các văn bản có liên quan để hoàn tất các nghĩa vụ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện theo quy định về góp vốn, mua cổ phần tại các doanh nghiệp Việt Nam, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và các văn bản pháp luật liên quan về hoạt động

của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

## VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Mục đích của việc chuyển nhượng vốn nhằm thực hiện chủ trương cơ cấu lại khoản vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1263/QĐ-TTg ngày 27/10/2023 về việc Phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025.

Việc chuyển nhượng vốn chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin.

## IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

### 1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

#### TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM (TKV)

Địa chỉ: Số 3 phố Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84) 024. 3518 0141

Fax: (+84) 024. 3851 0724

### 2. Công ty cổ phần có vốn được chuyển nhượng

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN ƯƠNG BÍ - VINACOMIN

Địa chỉ: Tổ 13, khu 8, Phường Bắc Sơn, Thành phố Ưông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 033 3854392

Fax: 033 3854358

### 3. Tổ chức thẩm định giá

#### CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1, phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: +84 (24) 38432171

Fax: +84 (24) 38472271

### 4. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022, 2023 của UEM

#### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Địa chỉ: Tầng 20, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



Điện thoại: +84 (0)24 37833911/12/13

Fax: +84 (0)24 37833914

#### **5. Tổ chức tư vấn**

##### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 (24) 3928 8080

Fax : +84 (24) 3928 9888

#### **6. Tổ chức thực hiện chào bán cạnh tranh cổ phần**

##### **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)**

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 39347620

Fax: (84.24) 39347818



## **X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG**

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp Nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán cổ phần này không phải là đợt phát hành/chuyển nhượng cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không đảm bảo rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu. UEM là doanh nghiệp đã đăng ký giao dịch tại Sở GDCK Hà Nội, do đó, chúng tôi khuyến nghị Nhà đầu tư trước khi tham gia đợt chào bán cạnh tranh cổ phần cần phải tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các thông tin đã được công khai như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp... cũng như đảm bảo rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin (UEM), Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC), và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc Nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Trân trọng cảm ơn./.



Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

**ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG**  
**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



  
**VŨ ANH TUẤN**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



  
**NHỮ ĐÌNH HÒA**



## PHỤ LỤC

- Phụ lục I** : Quyết định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thông qua phương án chào bán cổ phần tại Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí - Vinacomin;
- Phụ lục II** : Tài liệu chứng minh Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là chủ sở hữu hợp pháp số cổ phần đăng ký chào bán và số cổ phần này được phép chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Phụ lục III** : Báo cáo tài chính năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cơ điện Ưông Bí – Vinacomin.

